

Số: **1468/2019/QĐST-HNGĐ**

Biên Hòa, ngày 09 tháng 09 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1901/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 08 năm 2019, giữa:

+ **Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đặng Đức A**, sinh năm 1988

Địa chỉ: 407B/3, KP.4, phường C, thành phố X, tỉnh Y.

+ **Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: 407B/3, KP.4, phường C, thành phố X, tỉnh Y.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 08 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 08 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Đặng Đức A và bà Nguyễn Thị Mộng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đặng Đức A và bà Nguyễn Thị Mộng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 24/04/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời, ông Đức A cấp dưỡng nuôi

con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông Đức A được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Ông Đức A tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Đức A đã nộp theo biên lai thu số 0000272 ngày 23/08/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. X, tỉnh Y. Ông A đã nộp đủ án phí.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định của Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. X;
- UBND phường C,
TP. Biên Hòa, Y
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Phước Tiến

